

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN  
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH  
PHÓ GIÁO SƯ**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giáo dục học; Chuyên ngành: Phương pháp Dạy học Tiếng Anh

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 15/ 07/ 1972; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh. ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Thạch Sơn, Thạch Hà, Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):

210 B3 Tập thể Đại học Sư phạm, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

Nhà 12 Ngõ 521 Phạm Văn Đồng

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0967681960

E-mail: huongnm@hnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1994 đến nay (2019): Giảng dạy đại học, Giảng viên Khoa Sư phạm tiếng Anh, Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ năm 2004 đến năm 2006: Đào tạo phương pháp dạy học cho giáo viên tiếng Anh qua các khoá tập huấn trong vai trò Giảng viên, Trợ lý Giáo viên Trưởng của Tổ chức

giáo dục hỗ trợ đại học thế giới Canada WUSC (World University Service of Canada)

Từ năm 2011 đến năm 2015: Học tiến sĩ, Nghiên cứu sinh tại Khoa Giáo dục, Đại học Nottingham, Vương Quốc Anh

Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Anh; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Anh

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa tiếng Anh, Đại học Sư phạm Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: D3, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan 02437549180

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (1): Khoa Sau đại học, Đại học ngoại ngữ, Đại học quốc gia, Hà Nội;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (2): Khoa Sau đại học và Văn phòng Dự án liên kết, Đại học Hà Nội;

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm.....:

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (1): Khoa Sau đại học, Đại học ngoại ngữ, Đại học quốc gia, Hà Nội;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (2): Khoa Sau đại học và Văn phòng Dự án liên kết, Đại học Hà Nội;

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 09 năm 1994 ngành: tiếng Anh, chuyên ngành: Phương pháp giảng dạy

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 02 năm 1995 ngành: tiếng Nga, chuyên ngành: Phương pháp giảng dạy

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 06 tháng 04 năm 1999 ngành: Khoa học xã hội và nhân văn, chuyên ngành: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 13 tháng 07 năm 2015 ngành: Giáo dục học; chuyên ngành: Giảng dạy tiếng Anh

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Nottingham, Vương quốc Anh

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Sư phạm Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giáo dục học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1. *Quá trình học, các lý thuyết giải thích quá trình học và các phương pháp áp dụng hiệu quả các lý thuyết đó vào quá trình học của giáo viên nói chung và của giáo viên tiếng Anh nói riêng;*

2. *Các yếu tố văn hoá ảnh hưởng tới quá trình học của giáo viên nói chung và của giáo viên tiếng Anh nói riêng.*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang đồng hướng dẫn (số lượng) 2 NCS làm luận án TS (cùng hướng dẫn 1 luận án Tiến sĩ với PGS TS Nguyễn Văn Trào, Đại học Hà Nội, và cùng 1 luận án Tiến sĩ với PGS TS Nguyễn Thị Tuyết Minh, Viện Đại học mở Hà Nội);

- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành, chủ trì (2) đề tài NCKH cấp Trường và đang tham gia nghiên cứu 1 đề tài cấp Bộ; Tham gia rà soát, thẩm định và chỉnh sửa chương trình phổ thông tiếng Anh thí điểm (hệ 10 năm) theo yêu cầu của Đề án 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Đã công bố (số lượng) 09 bài báo KH và 01 bài viết đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế có chỉ số xuất bản, trong đó 2 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín trong danh mục ISI: Gồm 01 bài đăng trong tạp chí Teaching Education được xếp hạng Q1 (Scopus ISI, SCI, SCIE, Quốc tế) và 01 bài đăng trên tạp chí trong danh mục ISI (Web of science, ESCI, quốc tế); Những bài báo khác đăng trên tạp chí trong nước có uy tín.

- Số lượng sách đã xuất bản: 10 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín trong đó TS Nguyễn Thị Mai Hương là tác giả chính của 2 giáo trình dùng cho sinh viên Sư phạm tiếng Anh; chủ biên 02 sách tham khảo; đồng tác giả trong các sách tham khảo khác.

**Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:**

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

STT	5 công trình khoa học tiêu biểu	Loại tạp chí/ sách
1	Nguyen Thi Mai Huong, & Hall Christine. (2016). Changing views of teachers and teaching in Vietnam. <i>Teaching Education</i> , 28(3), 244–256. <a href="https://doi.org/10.1080/10476210.2016.1252742">https://doi.org/10.1080/10476210.2016.1252742</a>	Tác giả chính, Tạp chí chỉ số Q1, Scopus ISI, SCI, SCIE, Quốc tế
2	Nguyen Thi Mai Huong. (2016). The influences of ‘power distance’ on pre-service teacher learning in Vietnam. <i>Journal of Nusantara Studies (JONUS)</i> , 1(2), 38–49.	Trong danh mục ISI, Web of science, ESCI, quốc tế
3	Nguyen Thi Mai Huong. (2017). Cultural factors influencing teacher learning in initial teacher education in Vietnam. <i>HNUE Journal of Educational Sciences</i> , 62(6), 119–128. <a href="https://doi.org/10.18173/2354-1075.2017-0136">https://doi.org/10.18173/2354-1075.2017-0136</a>	Tạp chí trong nước, online, 1 điểm
4	Nguyen Thi Mai Huong, & Nguyen Thi Moc Lan. (2017). Xây dựng cộng đồng học tập tiếng Anh: Những vấn đề cần suy nghĩ khi lựa chọn mô hình học tập của phương Tây (Cultivating communities of practice for students of English: issues of concern when adopting Western learning models). <i>Journal of Science of HNUE</i> , 62(11), 120–127. <a href="https://doi.org/10.18173/2354-1067.2017-0097">https://doi.org/10.18173/2354-1067.2017-0097</a>	Tác giả chính, Tạp chí trong nước, online, 1 điểm
5	Nguyen Thi Mai Huong (Ed.). (2010). <i>Theoretical Background to ELT Methodology (A textbook for pre-service teachers of English)</i> . Hanoi National University of Education Publishing House. ISBN 978-604-54-0813-1	Sách giáo trình cho sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh (đang sử dụng)

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Hiệu trưởng đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Khoa tiếng Anh trong giai đoạn 2004 – 2014, ghi sổ khen thưởng số 7430/TĐ-KT;
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2 năm liên tục: Chiến sĩ thi đua năm học 2016 – 2017, quyết định số 5906/QĐ-ĐHSP HN; Chiến sĩ thi đua năm học 2017 – 2018, quyết định số 6199/QĐ-ĐHSP HN;

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

- Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không bị kỷ luật dưới bất cứ hình thức nào;
- Thời gian làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên: 25 năm tại Đại học Sư phạm Hà Nội: Trong thời gian giảng dạy tại Đại học sư phạm Hà Nội trong suốt 25 năm, tôi tham gia giảng dạy theo qui định, nghiên cứu khoa học, liên tục tự bồi dưỡng phát triển năng lực chuyên môn. Ngoài ra, tôi còn tham gia các nhiệm vụ khác như: tham gia viết hoặc thẩm định chương trình đại học, và chương trình sau đại học, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp đại học, sau đại học và nghiên cứu sinh và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn khác theo qui định. Đồng thời tôi luôn rèn luyện đạo đức tác phong phù hợp với vị trí chuyên môn của mình, hợp tác cùng đồng nghiệp trong công tác chuyên môn.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 24. năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2009-2010				01 khoá luận (ĐH SPHN)	270 giờ chuẩn (ĐH SPHN)	0 giờ chuẩn	295 giờ chuẩn
2	2010-2011				01 khoá luận (ĐH SPHN)	270 giờ chuẩn	0 giờ chuẩn	295 giờ chuẩn
	2011-2012	Học Tiến sĩ tại Đại học Nottingham, Vương quốc Anh						
	2012-2013							
	2013-2014							
	2014-2015							
3	2015-2016							
<b>3 năm học cuối</b>								
4	2016-2017			01 luận văn (ĐH Ngoại ngữ)	01 khoá luận (ĐH SPHN)	270 giờ chuẩn (ĐH SPHN)	240 giờ chuẩn (ĐH Hà Nội)	605 giờ chuẩn
5	2017-2018			02 luận văn (ĐH Ngoại ngữ)	01 khoá luận (ĐH SPHN)	494 giờ chuẩn (ĐH SPHN)	45 giờ chuẩn (ĐH SPHN) + 202,5 giờ chuẩn (ĐH Ngoại ngữ)	906,5 giờ chuẩn
6	2018-2019				01 khoá luận (ĐH SPHN)	90 giờ chuẩn	562,4 giờ chuẩn (ĐH SPHN)	677,4 giờ chuẩn

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh và tiếng Nga

##### a) Được đào tạo ở nước ngoài:

###### - Học bồi dưỡng SDH tại Canada:

Tháng 6/2005 – tháng 9/2005: Học ‘Diploma in English as a Foreign Language: Theory and Practice for the Context of Teaching English as a Foreign Language for Academic Purposes’ tại School of Linguistics and Applied Language Studies, Đại học Carleton University, Ottawa, Canada.

###### - Học bồi dưỡng SDH tại Vương quốc Anh:

Tháng 6/2009 – tháng 9/2009 học ‘Language and Methodology; Skills of Teacher Training’ tại Bell International, Homerton College, Đại học Cambridge, Vương quốc Anh.

- Học Tiến sĩ từ 2011 – 2015. Bảo vệ luận án TS. Tại nước: Vương quốc Anh. Năm 2015

##### b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ThS ngoại ngữ: tiếng Anh, số bằng: 10972; năm cấp: 1999

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: tiếng Anh, số bằng: 105593; năm cấp: 1994

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: tiếng Nga, số bằng: A 118690; năm cấp: 1995

##### c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

+ Đại học sư phạm Hà Nội, Việt Nam;

+ Đại học ngoại ngữ thuộc Đại học quốc gia Hà Nội, Việt Nam;

+ Đại học Hà Nội, Việt Nam và Dự án Liên kết đào tạo thạc sĩ giữa Đại học Hà Nội, Việt Nam và Đại học Victoria, Úc;

+ World University Service of Canada (Tổ chức hỗ trợ đại học thế giới Canada - WUSC), Việt Nam và Canada;



+ Trường phổ thông liên cấp quốc tế Welspring, Việt Nam;

+ Công ty cổ phần giáo dục và đào tạo Victoria, Việt Nam.

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: Làm việc bằng tiếng Anh tại World University Service of Canada (Tổ chức hỗ trợ đại học thế giới Canada -WUSC), Việt Nam và Canada trong 2 năm với vai trò Giảng viên và Trợ lý giáo viên trưởng, tổ chức các khoá tập huấn về Phương pháp dạy học tiếng Anh cho giáo viên tiếng Anh tại các trường đại học.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Tiến sĩ học tại Vương quốc Anh, năm tốt nghiệp 2015

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ .... đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Ninh Thị Kim Ngân		HV	Chính		2016-2017	Đại học ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội	2018
2	Nguyễn Hồng Hạnh		HV	Chính		2017-2018	Đại học ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội	2019
3	Nguyễn Thị Phương Thảo		HV	Chính		2016-2017	Đại học ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội	2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

*Sách xuất bản trước khi bảo vệ TS:*

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Theoretical Background to ELT Methodology	GT	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. XB 2009, tái bản 2018 ISBN 978-604-54-0813-1	01	MM	Số 180/ĐHSPHN Ngày 28/6/2019
2	Reading 3	GT	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. 2009	01	MM	Số 180/ĐHSPHN Ngày 28/6/2019
3	Picturing the Past – an ESP Textbook for History Students in Vietnam.	TK	NXB Thế giới. 2005	02	Viết chung	Số 180/ĐHSPHN Ngày 28/6/2019
4	Ôn thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh	TK	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. 2010	5	CB	Số 180/ĐHSPHN Ngày 28/6/2019
5	Phương Pháp Giải Nhanh Tiếng Anh Trọng Tâm	TK	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. 2012	5	CB	Số 180/ĐHSPHN Ngày 28/6/2019
6	Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng Tiếng Anh lớp 10	TK	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. 2012	5	Viết chung	Số 180/ĐHSPHN Ngày 28/6/2019
7	Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng Tiếng Anh lớp 9	TK	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. 2012	5	Viết chung	Số 180/ĐHSPHN Ngày 28/6/2019
8	Dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng lớp 8	TK	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. 2012	5	Viết chung	Số 180/ĐHSPHN Ngày 28/6/2019
9	Dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng lớp 7	TK	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. 2012	5	Viết chung	Số 180/ĐHSPHN Ngày 28/6/2019
10	Dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng lớp 6	TK	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. 2012	5	Viết chung	Số 180/ĐHSPHN Ngày 28/6/2019

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công

nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

**Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

#### 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Xây dựng cộng đồng học tập tiếng Anh cho sinh viên học tiếng Anh không chuyên (ĐT)	CN	SPHN 16-18 Cấp Trường	2016 - 2017	12/12/2017
2	Đánh giá theo chuẩn năng lực trong đào tạo giáo viên: nhận thức từ góc nhìn của giảng viên đại học (ĐT)	CN	SPHN17-07TT Cấp Trường	2018 - 2019	25/04/2019

**Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

#### 7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

##### 7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
<i>Sau bảo vệ học vị TS</i>								
1	Đánh Giá Theo Chuẩn Năng Lực: Những Vấn Đề Cần Cần Nhắc Trong Đánh Giá Giáo Viên	1 tác giả chính	HNUE Journal of Science, ISSN 2354 - 1075			64 (4)	3-12	2019
2	Xây dựng cộng đồng học tập tiếng Anh: Những vấn đề cần suy nghĩ khi lựa chọn mô hình học tập của phương Tây	Tác giả chính	HNUE Journal of science Social sciences, 2017, ISSN 2354 - 1075			62 (11)	120-127	2017
3	Cultural factors influencing teacher learning in initial teacher education in Vietnam	1 tác giả chính	HNUE Journal of Educational sciences, ISSN 2354 – 1075			62 (6)	119-128	2017
4	An overview of bilingual education: models and success stories	Đồng tác giả (trong 3 tác giả)	HNUE Journal of Educational sciences ISSN 2354 - 1075			62 (6)	192-200	2017

5	Changing views of teachers and teaching in Vietnam	Tác giả chính (trong 2 tác giả)	Teaching Education ISSN: 1047-6210 (Print) 1470-1286 (Online) Journal	ISI, SCI, SCIE, Scopus, chỉ số Q1		28 (3)	244-256.	2016
6	The Influences of 'Power Distance' on Pre-service Teacher Learning in Vietnam	1 tác giả chính	Journal of Nusantara Studies 2016, ISSN: 0127-9319 (Print) ISSN 0127-9386 (Online)	ISI Web of science, ESCI		1 (2)	38-49	2016
7	Cultivating Communities of Practice for Students of English at Hanoi National University of Education.	Tác giả chính (trong 2 tác giả)	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế VietTESOL lần 2, Transforming English Language Education in the Era of Globalization  ISSN 978-604-54-2763-7				47-54.	2015
<i>Trước khi bảo vệ học vị TS</i>								
8	Poster Presentation- an	1 tác giả	Science Journal			54 (1)	137-	2009

	Effective Activity for Promoting Extensive Reading in EFL Classes	chính	Hanoi National University of Education, ISSN 0868-3719				141	
9	Bàn Về Việc Dạy Ngoại Ngữ Cho Học Viên Sau Đại Học Tại Trường ĐHSP Hà Nội	1 tác giả chính	Tạp chí khoa học ĐHSP, ISSN 0868-3719			số (3)	102-105	2003
10	Quan Điểm Về Dạy Và Học Ngoại Ngữ Cho Sinh Viên Không Chuyên Ngoại Ngữ	1 tác giả chính	Tạp chí khoa học ĐHSP, ISSN 0868-3719			số (6)	85-88	2001

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

Nguyen Thi Mai Huong và Hall Christine (2017). Changing views of teachers and teaching in Vietnam. *Teaching Education*, 28(3), 244–256.

<https://doi.org/10.1080/10476210.2016.1252742> (Loại tạp chí: Scopus, ISI, SCI, SCIE, chỉ số Q1; Là tác giả chính)

Nguyen Thi Mai Huong (2016). The influences of ‘power distance’ on pre-service teacher learning in vietnam. *Journal of Nusantara Studies (JONUS)*, 1(2), 38–49. (Loại tạp chí: quốc tế ISI, Web of science, ESCI)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Chủ trì và tham gia xây dựng Chương trình Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh;

- Tham gia xây dựng Chương trình Cử nhân Sư phạm tiếng Anh

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:

- Giờ chuẩn giảng dạy:

- Công trình khoa học đã công bố:

- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

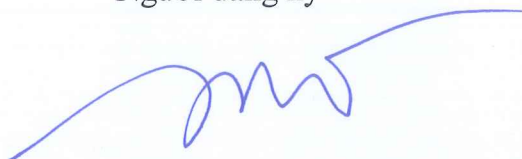
- Hướng dẫn NCS,ThS:

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2019*

Người đăng ký



*Nguyễn Thị Mai Hương*

#### D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên đã kê khai.
- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 2019

*Handwritten signature* THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN *Handwritten signature*

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG  
GS.TS. Nguyễn Văn Minh